|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ XÂY DỰNG**  Số : /2019/TT-BXD | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *Hà Nội, ngày tháng năm 2019* |

**Dự thảo tháng 9/2019**

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình xây dựng cơ sở hạ tầng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới**

*Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;*

*Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;*

*Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kinh tế xây dựng,*

*Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới (sau đây gọi tắt là các Chương trình mục tiêu quốc gia).*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn về nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng được đầu tư bằng các nguồn vốn theo quy định thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia và áp dụng cho các công trình xây dựng lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng, hồ sơ xây dựng.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng tại các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu, các thôn bản đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và cho các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa, xã hải đảo, các xã thuộc vùng khó khăn và đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới.

**Điều 3. Nguyên tắc xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng**

1. Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình cơ sở hạ tầng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia phải đảm bảo mục tiêu đầu tư, hiệu quả dự án đã được phê duyệt. Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình cơ sở hạ tầng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia mới phải phù hợp với mục tiêu của chương trình, quy mô thực hiện và ngân sách của địa phương.

2. Chi phí đầu tư xây dựng phải được tính đúng, tính đủ cho từng dự án, công trình, gói thầu xây dựng, phù hợp với yêu cầu thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật, điều kiện xây dựng, kế hoạch thực hiện dự án. Việc thiết kế, thi công xây dựng phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn về xây dựng. Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng trong công tác xây dựng, giám sát thi công đảm bảo minh bạch. Ưu tiên việc sử dụng thiết kế mẫu, thiết kế điển hình, vật liệu, nhân công, máy tại địa phương đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và giành tối đa nguồn kinh phí cho công tác xây dựng công trình.

**Điều 4. Dự toán xây dựng**

Dự toán xây dựng gồm: chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí dự phòng.

1. Chi phí xây dựng

a) Chi phí xây dựng trong dự toán xây dựng công trình được lập cho các công trình chính, công trình phụ trợ, công trình tạm phục vụ thi công hoặc bộ phận, phần việc, công tác của công trình, hạng mục công trình. Chi phí xây dựng công trình, hạng mục công trình, bộ phận, phần việc, công tác bao gồm: chi phí trực tiếp, chi phí gián tiếp, thu nhập chịu thuế tính trước và thuế giá trị gia tăng. Chi phí xây dựng công trình xác định theo Thông tư hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng ban hành

b) Chủ đầu tư căn cứ tính chất, điều kiện đặc thù của công trình, hệ thống định mức đã được công bố và phương pháp lập đơn giá xây dựng công trình hoặc áp dụng hệ thống đơn giá xây dựng do Ủy ban nhân dân tỉnh công bố làm cơ sở xác định chi phí xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

c) Đối với phần khối lượng do dân tự làm sử dụng nhân công, vật tư, vật liệu khai thác tại chỗ, khối lượng của những hạng mục công trình sử dụng kinh phí đóng góp của dân được lập dự toán riêng và không tính thu nhập chịu thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng trong dự toán.

2. Chi phí thiết bị

Chi phí thiết bị xác định theo Thông tư hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng ban hành

3. Chi phí quản lý dự án đầu tư

Chi phí quản lý dự án được xác định bằng 3,454% của tổng giá trị chi phí xây dựng và thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) của công trình trong Báo cáo kinh tế kỹ thuật (hoặc Hồ sơ xây dựng công trình) được duyệt.

Trường hợp thành lập Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thì chi phí hoạt động được tính không quá 1% của chi phí xây dựng trên cơ sở lập dự toán. Nguồn kinh phí được trích từ nguồn chi phí quản lý dự án (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong chi phí đầu tư xây dựng công trình được duyệt, nhưng không thấp hơn 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

4. Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng

a) Chi phí lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (hoặc Hồ sơ xây dựng công trình)

Mức chi phí để lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (hoặc Hồ sơ xây dựng công trình) được tính bằng 3,125 (%) của tổng chi phí xây dựng và chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) dự kiến theo suất vốn đầu tư hoặc dữ liệu chi phí của các dự án có tính chất, quy mô tương tự đã hoặc đang thực hiện, nhưng không thấp hơn 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

Trường hợp Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (hoặc Hồ sơ xây dựng công trình) có sử dụng thiết kế điển hình, thiết kế mẫu do cơ quan có thẩm quyền ban hành thì chi phí lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (hoặc Hồ sơ xây dựng công trình) được tính theo mức nói trên nhân với hệ số điều chỉnh là 0,8 nhưng không thấp hơn 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

b) Chi phí khảo sát xây dựng (nếu có)

Chi phí về khảo sát xây dựng như: khoan khảo sát địa chất công trình; lấy mẫu thí nghiệm đất, đá; đo vẽ bản đồ hiện trạng khu vực xây dựng được xác định bằng cách lập dự toán theo hướng dẫn tại Thông tư của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí khảo sát xây dựng.

c) Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng và mua sắm vật tư, thiết bị:

Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng được tính bằng 0,433% của chi phí xây dựng nhưng không thấp hơn 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu mua sắm vật tư, thiết bị được tính bằng 0,326% của chi phí thiết bị nhưng không thấp hơn 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Trong đó, chi phí lập hồ sơ mời thầu bằng 45% , đánh giá hồ sơ dự thầu bằng 55%.

d) Chi phí giám sát thi công xây dựng và chi phí giám sát lắp đặt thiết bị công trình

Chi phí thuê tư vấn giám sát thi công xây dựng được tính bằng 3,208% của chi phí xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong chi phí đầu tư xây dựng công trình được duyệt, nhưng không thấp hơn 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Chi phí tư vấn giám sát lắp đặt thiết bị công trình bằng 0,846% của chi phí thiết bị (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong chi phí đầu tư xây dựng công trình được duyệt, nhưng không thấp hơn 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

5. Trường hợp trong quá trình thực hiện phát sinh chi phí cho các công việc khác thì Chủ đầu tư lập, thẩm định, phê duyệt và chịu trách nhiệm trước pháp luật về dự toán các chi phí này. Đối với một số các khoản chi phí chưa xác định được ngay thì tạm tính đưa trong dự toán xây dựng công trình để dự trù kinh phí.

6. Chi dự phòng

Chi phí dự phòng là khoản chi phí để dự trù cho khối lượng công việc phát sinh và các yếu tố trượt giá trong thời gian xây dựng, được tính tối đa bằng 10% trên tổng chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí khác.

**Điều 5. Điều chỉnh dự toán xây dựng và giá gói thầu xây dựng**

Việc điều chỉnh dự toán xây dựng và giá gói thầu xây dựng được thực hiện theo Thông tư hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình do Bộ Xây dựng ban hành

**Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương căn cứ hướng dẫn tại Thông tư này và các văn bản khác có liên quan để tổ chức, hướng dẫn việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình.

2. Việc thực hiện xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng trong giai đoạn chuyển tiếp quy định tại khoản 1 và 2 Điều 36 Nghị định số 68/2019/NĐ-CP. Đối với dự án đã phê duyệt trước ngày có hiệu lực của Thông tư này này nhưng chưa triển khai thực hiện, khi điều chỉnh dự án thì thực hiện theo quy định của Nghị định số 68/2019/NĐ-CP và Thông tư này.

**Điều 7. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày / /2019.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi ý kiến về Bộ Xây dựng để nghiên cứu, giải quyết.

***Nơi nhận:*****KT. BỘ TRƯỞNG**

- Uỷ ban Dân tộc; **THỨ TRƯỞNG**

- Văn phòng Chính phủ;

- Ban kinh tế Trung ương Đảng;

- Hội đồng dân tộc của Quốc hội;

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;

- Cơ quan thuộc Chính phủ;

- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

- Toà án nhân dân tối cao;

- Thanh tra Chính phủ; Kiểm toán Nhà nước;

- Cục kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp; **Bùi Phạm Khánh**

- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;

- HĐND, UBND các tỉnh, tp trực thuộc TW;

- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty nhà nước;

- Sở Xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;

- Công báo; Website Chính phủ; Website Bộ Xây dựng;

- Lưu VP,Vụ PC, Cục KTXD.

**Phụ lục**

**DỰ TOÁN CHI PHÍ XÂY DỰNG TRƯỜNGHỢP DO DÂN TỰ LÀM**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2019/TT-BXD ngày / /2019 của Bộ Xây dựng)*

Đơn vị tính:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT**  Tổng số  Khối lượng từng loại công việc  x  Đơn giá vật liệu tương ứng  +  )  Chênh lệch vật liệu (nếu có)  ( | **NỘI DUNG CHI PHÍ** | **CÁCH TÍNH** | **KÝ HIỆU** |
| I | CHI PHÍ TRỰC TIẾP |  |  |
| 1 | Chi phí vật liệu | ( | VL |
| 2 | Chi phí nhân công | Đơn giá nhân công tương ứng  )  Khối lượng từng loại công việc  (  x  Tổng số  +  Chênh lệch nhân công (nếu có) | NC |
| 3 | Chi phí máy và thiết bị thi công | Đơn giá máy thi công tương ứng  Chênh lệch máy thi công (nếu có)  +  )  Khối lượng từng loại công việc  x  (  Tổng số | M |
|  | **Chi phí trực tiếp** | VL+NC+M | T |
| II | CHI PHÍ GIÁN TIẾP | T x tỷ lệ | C |
| III | CHI PHÍ XÂY DỰNG | T+C |  |

Trong đó tỷ lệ để xác định chi phí gián tiếp được xác định bằng %